

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải;

Ông Đỗ Trọng Tuấn;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trịnh Việt K**; nơi cư trú: **Số D L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Vũ Hương G**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **4 L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**; nơi ở hiện nay: Australia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Trịnh Việt K** trình bày:

Anh **Trịnh Việt K** và chị **Vũ Hương G** xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Mặc dù hai vợ chồng đã được gia đình hai bên cố gắng hoà

giải, hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị **G** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại **số B T, phường Đ, quận H**, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến giữa tháng 5 năm 2023 chị **G** đã xuất cảnh sang Australia để làm việc, từ khi chị **G** xuất cảnh cho đến nay anh **K** và chị **G** không có bất cứ liên lạc gì với nhau. Anh **K** không biết địa chỉ của chị **G** tại Australia, tuy nhiên anh được biết chị **G** vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình chị **G** qua bố đẻ là ông **Vũ Đình B** và mẹ đẻ là bà **Nguyễn Thị Thu H**; địa chỉ: **Số nhà B T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng**. Nay anh **K** xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị **G** không còn, việc duy trì hôn nhân không có kết quả nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Vũ Hương G**. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn chị **Vũ Hương G**:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chị **G** cung cấp địa chỉ của chị **G** tại Australia và yêu cầu gia đình chị **G** cho biết kết quả gia đình đã thông báo cho chị **G** biết việc anh **K** xin ly hôn để chị gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ghi ý kiến của mẹ đẻ chị **G** là bà **Nguyễn Thị Thu H** cho thấy: Năm 2020 anh **K** kết hôn cùng con gái bà là chị **Vũ Hương G1** trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**. Sau khi kết hôn, anh **K** và chị **G** về chung sống cùng gia đình nhà chồng được một thời gian rồi ra ngoài thuê nhà ở riêng, sau một năm chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt và làm ăn kinh tế. Khi gia đình hai bên biết vợ chồng anh **K**, chị **G** mâu thuẫn đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Chị **G** về nhà nhà ông bà sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Từ tháng 5 năm 2023 đến nay chị **G** đi Australia chưa trở về Việt Nam. Gia đình bà vẫn thường xuyên liên lạc với chị **G** qua hệ thống messenger của Facebook, chị **G** đã được gia đình bà thông báo và nhận được các giấy tờ của Tòa án về việc anh **K** có đơn xin ly hôn với chị. Gia đình bà cũng đã nhận được yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp địa chỉ của chị **G** tại nước ngoài. Bà đã trao đổi với chị **G** và chị **G** có quan điểm đồng ý ly hôn với anh **K** nhưng do chị ở xa không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn của anh **K**. Bà đã rất nhiều lần đề nghị chị **G** cung cấp địa chỉ cụ thể của chị **G** tại nước ngoài để bà nộp cho Tòa án nhưng chị **G** không cho bà biết nên bà không thể có địa chỉ của chị **G** để nộp cho Tòa án.

Về con chung: Anh **K** và chị **G** chưa có con chung nên gia đình không có ý kiến gì

Về tài sản chung: Theo gia đình được biết thì vợ chồng anh **K** và chị **G** không có tài sản chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của Nguyên đơn và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của anh **K** và chị **G** đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn cho ly hôn giữa anh **Trịnh Việt K** và chị **Vũ Hương G**.

Về con chung: Anh **K** và chị **G** chưa có con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản chung: Anh **K** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Anh **K** phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn là chị **Vũ Hương G**; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **4 L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**; nơi ở hiện nay: Australia; nguyên đơn là anh **Trịnh Việt K**; nơi cư trú: **Số D L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng**; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, anh **K** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị **Vũ Hương G** vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt, thông báo họp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trịnh Việt K** và chị **Vũ Hương G** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 11 năm 2020, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cuối năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống nên anh **K** và chị **G** đã tự sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Chị **G** về nhà bố mẹ đẻ ở và từ tháng 5

năm 2023 đã sang Australia sinh sống, làm việc cho đến nay chưa trở lại Việt Nam, từ khi hai vợ chồng đã sống ly thân **K** và chị **G** không còn liên lạc gì với nhau, hiện tại anh **K** cũng không biết chính xác địa chỉ nơi ở của chị **G** tại Australia. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh **K** và chị **G** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Trịnh Việt K** xin ly hôn chị **Vũ Hương G** là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh **K** và chị **G** chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh **K** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh **Trịnh Việt K** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trịnh Việt K** được ly hôn chị **Vũ Hương G**.

Về án phí: Anh **K** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên anh **K** đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000283 ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Anh **Trịnh Việt K** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Chị **Vũ Hương G** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng (GCNKH ngày 23/11/2020);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

